

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 387/2023/DS-PT

Ngày: 19 – 7 - 2023

V/v tranh chấp “đòi quyền sử
dụng đất và nhà ở”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Hải

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Tính

Ông Võ Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 473/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm
2022 về việc tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất và nhà ở”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 423/2022/DSST ngày 26 tháng 9 năm 2022
của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 125/2023/QĐ-PT
ngày 15 tháng 03 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 323/2023/QĐ-PT
ngày 15 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 347/2023/QĐ-PT
ngày 14 tháng 04 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 425/2023/QĐ-
PT ngày 16 tháng 05 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 457/2023/TB-
PT ngày 17 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trác L**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: tổ D, ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Tuấn Vĩnh T**, sinh năm: 1976 (có
mặt).

Địa chỉ: E P, B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Theo Giấy ủy quyền
đề ngày 29/6/2021.

- Bị đơn: Bà **Trác Thị Bạch L1**, sinh năm 1962;

Địa chỉ: tổ D, ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Nguyễn Minh K**, sinh năm 1994 (có mặt);
 2. Anh **Nguyễn Khánh D**, sinh năm 1997 (vắng mặt);
- Cùng địa chỉ: tổ D, ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
3. Anh **Lê Vĩnh A**, sinh năm 2004 (vắng mặt);
- Địa chỉ: ấp G, xã P, Thành Phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông L là chủ sở hữu sử dụng dãy nhà trọ và quyền sử dụng đất diện tích 4.500 m², thuộc thửa số 423 tờ bản đồ số 1, tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00689 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp 27/3/1997 cho cá nhân ông Trác L.

Năm 2007, ông L có cho bà Trác Thị Bạch L1 ở trọ một căn trong dãy nhà trọ của ông có diện tích 15 m² và tạo điều kiện cho bà L1 được sử dụng diện tích đất 25m² liền kề với căn phòng trọ để mua bán đồ ăn uống, giải khát mà không có thu tiền vì lúc này hoàn cảnh gia đình bà Bạch L1 rất khó khăn. Đến năm 2019 bà Bạch L1 đã có điều kiện cất nhà mới nên ông L đã nhiều lần yêu cầu bà Bạch L1 di dời trả lại căn phòng trọ và diện tích đất mà ông L đã cho ở nhờ nhưng bà Bạch L1 không đồng ý, còn có thái độ thách thức. Quá đáng hơn, bà Bạch L1 còn ngang nhiên tháo dỡ, sửa chữa xây dựng mới trên phần đất của ông mà không được ông đồng ý. Sự việc trên ông L đã có gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã B yêu cầu được giải quyết nhưng kết quả hòa giải không thành.

Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trác Thị Bạch L1 phải di dời tài sản và ra khỏi căn nhà trả lại phần nhà đất có diện tích 67,4m² thuộc thửa đất số 423, tờ bản đồ số 1, tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang để trả lại cho ông. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu chi phí tố tụng nếu yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận thì bị đơn chịu chi phí này, nếu yêu cầu nguyên đơn không được chấp nhận thì nguyên đơn chịu, chi phí tố tụng là 17.650.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực.

** Bị đơn trình bày:*

Về nguồn gốc đất tranh chấp là: Sau năm 1975, gia đình bà cùng cô ruột là Trác Thị Thu H trở về miền N, được bác ruột là Trác Quan Đ (đã mất) chia cho đất để ở. Cha bà cất nhà trên phần đất bác cho. Mẹ mất lúc làm nhiệm vụ ngoài bắc, vào N cha bà có tục quyền vợ sau, vì làm ăn thất bại phải vay tiền Ngân hàng nên cha bà đứng ra bảo lãnh. Nợ số tiền lớn cha bà đi lánh nạn, nhờ bác bà trông nom chị em bà cùng nhà cửa và đất đai, nên bác bà mới cho em bà là Trác Lâm đứng tên để nhà nước không tịch thu nhà đất.

Cha bà có ba người con là Trác Thị Ngọc L2, Trác Thị Bạch L1 và Trác L. Nếu nói chia phần thì cả ba người con đều được hưởng phần đất cha để lại.

Khi cha bà còn sống có hứa chia đất cho các con: hai đứa con gái ở phía trước, con trai hưởng phần nhiều ở phía sau để thờ phụng.

Chị bà là Trác Thị Ngọc L2 có chồng ở Thành phố M, đã nhận được phần đất cha chia. Bà có chồng ở Bến Tre những năm cha bà còn sống có hứa cho bà một phần đất đối diện với chị, hai chị em bằng nhau. Trong lúc đó kinh tế gia đình Trác L khó khăn nên Trác L đã lấy đất cha cho bà để xây dãy nhà trọ để lấy tiền nuôi cha, với lý do chính đáng nên bà đồng ý vì bà chưa về ở.

Đến năm 2006, cha bà đột ngột qua đời nên chưa làm giấy sang tên cho bà, đến năm 2007 thì bà và chồng bà ly hôn, thấy hoàn cảnh bà khó khăn nên em Trác L kêu bà về cất nhà trên phần đất cha cho, ké chung vách với nhà trọ vì tình nghĩa nên bà không làm giấy tờ thỏa thuận, vì vậy nay em Trác L làm đơn lật lại bà.

Nay bà mong tòa xem xét cho bà giữ lại căn nhà đang tranh chấp để ở, do không còn chỗ nào để ở. Chi phí tố tụng bà không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

** Theo bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh K và Nguyễn Khánh D trình bày:*

Từ năm 2007 thì anh Nguyễn Minh K và Nguyễn Khánh D đã về ở trên phần đất tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang sinh sống và làm việc đến nay và có đơn xin vắng mặt.

** Theo bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Vĩnh A trình bày:*

Anh đang thuê đất của bà L1 để làm tiệm sửa xe, vụ án này anh không có ý kiến gì, anh có hợp đồng thuê với bà L1, nếu Tòa án giao đất cho ông L thì anh tự nguyện ký hợp đồng thuê với ông L hoặc tự nguyện tháo dỡ di dời tất cả các tài sản trên đất của anh trả lại cho ông L và anh xin vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu: Buộc bà Trác Thị Bạch L1, anh Nguyễn Minh K, anh Nguyễn Khánh D và anh Lê Vĩnh A có nghĩa vụ liên đới giao trả phần đất diện tích 67,4m² thuộc thửa đất số 423, tờ bản đồ số 1 tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho ông Trác L. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 423/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng:

- Căn cứ vào các Điều 105, 115, 163, 164, 166, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các khoản 9 Điều 26, 35, 37, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 5 Điều 166, Điều 170 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trác L.

1/ Buộc bà Trác Thị Bạch L1, anh Nguyễn Minh K, anh Nguyễn Khánh D và anh Lê Vĩnh A có nghĩa vụ liên đới giao trả phần đất diện tích 67,4m² thuộc thửa đất số 423, tờ bản đồ số 1 tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho ông Trác L, có tứ cận:

Đông giáp Đường nhựa tỉnh 864.

Tây giáp phần còn lại của thửa 423.

Nam giáp phần còn lại của thửa 423.

Bắc giáp phần còn lại của thửa 423.

(có sơ đồ đo đạc kèm theo)

2/ Buộc ông Trác L có nghĩa vụ hoàn giá trị nhà 125.835.652 đồng cho bà Trác Thị Bạch L1. Bà L1 phải hoàn lại chi phí tố tụng cho ông L số tiền 17.650.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu người phải thi hành chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh chậm trả tiền do các bên không có thỏa thuận nên thực hiện theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Ông Trác L được quyền sở hữu căn nhà có kết cấu nhà trước diện tích 21,48m² kết cấu nhà trệt, cột bê tông, tường gạch có một phần chưa tô trát, mái tôn, nền gạch ceramic 500x500 (giá trị 46.624.465 đồng); nhà giữa diện tích 17,21m² kết cấu chung nhà trệt cột bê tông, tường gạch có một phần chưa tô trát, mái tôn có ốp gạch ceramic 400x 400, có trần (giá trị 34.271.994 đồng); nhà sau diện tích 21,01m² kết cấu nhà trệt cột bê tông tường gạch có một phần chưa tô trát, mái tôn, nền gạch ceramic 400x400, có 02 vách nhò (giá trị 35.334.618 đồng); gác diện tích 17,21m² kết cấu gác gỗ, vách tường có ốp gạch, có 01 vách tôn (9.604.575 đồng).

4/ Buộc anh Lê Vĩnh A có nghĩa vụ di dời 01 mái che tiền chế kết cấu kèo sắt, mái tôn (giá trị 2.139.060 đồng) ra khỏi phần đất diện tích 67,4m² thuộc thửa đất số 423, tờ bản đồ số 1 tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trác Lâm chịu 6.291.783 đồng án phí, ông L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003541 ngày 15/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp 5.991.783 đồng.

Bà Trác Thị Bạch L1 phải chịu 300.000 đồng án phí, bà L1 được miễn án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 24 tháng 10 năm 2022 bị đơn bà Trác Thị Bạch L1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án theo hướng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trác L.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trác L là ông Võ Tuấn Vĩnh T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn.

Bị đơn bà Trác Thị Bạch L1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trác Lâm.

Anh Nguyễn Minh K trình bày: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trác Thị Bạch L1. Sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo phía bị đơn bà Trác Thị Bạch L1 sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phía nguyên đơn.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ tranh chấp về “*Đòi quyền sử dụng đất và nhà ở*” thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà là đúng theo quy định tại điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Xét người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Vĩnh A có đơn xin vắng mặt, anh Nguyễn Khánh D vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh A và anh D.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trác Thị Bạch L1 yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế có diện tích 67,4m², thuộc thửa đất số 423, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất ở ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00689QSDĐ/BĐ do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Trác L đứng tên (bút lục số 41). Phần đất này ông L đăng ký kê khai năm 1990 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 15 tháng 5 năm 1990 số thửa là 644, diện tích là 4589 m² (bút lục số 32). Ngày 24 tháng 6 năm 1995, ông Trác L đăng ký kê khai lại thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 423, tờ bản đồ số 01, diện tích 5.000m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00689QSDĐ/BĐ do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Trác L đứng tên (bút lục số 48).

[2.2] Công văn số 41/UBND-CCĐC ngày 15/7/2022 Ủy ban nhân dân xã B có ý kiến: Theo mục kê 299 thì thửa 644, diện tích 4.589m², tờ bản đồ số 01, loại đất QT do ông Trác Quang L3 đứng tên. Thửa đất 423 trên bản đồ tỷ lệ 1/5000 tương ứng với thửa 644 trên mục kê 299. Nhưng tại thời điểm ông L đi đăng ký kê khai vào năm 1990 và năm 1995 thì ông Trác Quang L3 không thể hiện đồng ý cho ông L đăng ký kê khai hoặc tặng cho phần đất này cho ông L. Tại cấp phúc thẩm ông L không xuất trình được chứng cứ tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trác Quang L3 sang cho ông.

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng phần đất thửa số 423, tờ bản đồ số 01, diện tích 5.000m², địa chỉ thửa đất tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang ông Trác L đã đăng ký kê khai và đã sử dụng ổn định ngay tình trên 30 mười năm nên ông L đã xác lập quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất này là chưa có căn cứ vững chắc và chưa xem xét đến quá trình quản lý sử dụng phần đất tranh chấp với diện tích 67,4m² thuộc thửa đất số 423, tờ bản đồ số 1 tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang của bà Trác Thị Bạch L1. Trên thực tế ông L chỉ canh tác phần đất này từ năm 1990 đến năm 2006 là chưa đủ 30 năm. Từ năm 2007 cho đến nay bà L1 mới là người thực tế sử dụng đất. Bà L1 đã cất nhà kiên cố trên phần đất tranh chấp nhưng ông L không phản đối mà vẫn đồng ý cho bà L1 sử dụng phần đất tranh chấp để cất nhà ở. Khi đăng ký kê khai vào năm 1995 ông Trác L ghi trong “Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất” ở cột nguồn gốc đất là ông Trác Quang H1 cho năm 1975. Ông L không kê khai việc ông L3 cho đất là chưa ngay tình trong việc kê khai quyền sử dụng đất.

[2.4] Từ những nhận định nêu trên có căn cứ xác định quyền sử dụng đất thửa số 423, tờ bản đồ số 01, diện tích 5.000m², địa chỉ thửa đất tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang là của ông Trác Quang L3. Tuy nhiên, trong vụ án này các bên đương sự không tranh chấp thừa kế nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết. Nếu các bên có tranh chấp thì khởi kiện bằng một vụ án khác.

[2.5] Từ các nhận định trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trác Thị Bạch L1 là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Yêu cầu khởi kiện của ông Trác L về việc yêu cầu bà L1 trả lại phần diện tích 67,4m² thuộc thửa đất số 423, tờ bản đồ số 1 tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang là không có căn cứ không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trác L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003541 ngày 15/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên ông L đã nộp xong.

Bà L1 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của ông Trác L không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông phải chịu chi phí tố tụng đã nộp tạm ứng ở cấp sơ thẩm là 17.650.000 đồng (*mười bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trác Thị Bạch L1 về việc sửa bản án sơ thẩm số 423/2022/DSST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Căn cứ vào các Điều 105, 115, 163, 164, 166, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 5 Điều 100, 166, Điều 170 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trác L về việc yêu cầu bà Trác Thị Bạch L1, anh Nguyễn Minh K, anh Nguyễn Khánh D và anh Lê Vĩnh A có nghĩa vụ liên đới giao trả phần đất diện tích 67,4m² thuộc thửa đất số 423, tờ bản đồ số 1 tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho ông Trác L.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trác Lâm chịu 300.000 đồng án phí, ông L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003541 ngày 15/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên ông đã nộp xong.

Bà Trác Thị Bạch L1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3/ Về chi phí tố tụng: ông Trác L phải chịu chi phí tố tụng là 17.650.000 đồng (*mười bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*). Ông đã nộp tạm ứng ở cấp sơ thẩm nên ông đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Hải